

Thông tin cơ bản về Công ty cổ phần Chứng khoán VNDirect (VND)

Thông tin giao dịch

Giá hiện tại	11.95
EPS cơ bản (đồng)	1.503
P/E (lần)	8.02
Giá cao nhất 52 tuần (đồng)	21.11
Giá thấp nhất 52 tuần (đồng)	11.25
Số lượng CP lưu hành (triệu CP)	1.522,3
KLGD TB 10 ngày (triệu CP)	8.287
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	15.223
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	11.46%

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (VND) được thành lập vào năm 2006. Công ty hoạt động trong lĩnh vực môi giới lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, tự doanh, bảo lãnh phát hành và quản lý danh mục đầu tư. Trong năm 2024, Công ty xếp ở vị trí TOP 6 thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền có bảo đảm tại HOSE với 5.87%.

Quan điểm đầu tư

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ tăng hơn 14% so với năm 2022 và thấp hơn năm 2023 là 15%.

Sau khi thị trường chứng khoán bị suy yếu năm 2022 thì VND đã bắt đầu cải tổ bộ máy với việc tinh giảm nhân sự, giảm chi phí cho hoạt động vận hành, giúp nâng cao kết quả kinh doanh.

Nâng cấp hệ thống công ty

Vào ngày 24/03/2024, hệ thống VNDirect (VND) bị tấn công và tê liệt toàn bộ website lẫn ứng dụng giao dịch. Trong suốt quá trình khắc phục hệ thống, VND cũng nhận ra những thiếu sót trong khâu quản lý cũng như vận hành hệ thống, từ đó đã có những nâng cấp đáng kể trong khâu quản trị hệ thống.

Kỳ vọng tăng trưởng trong năm 2025

Trong thời gian tới, VND sẽ tiếp tục chuyển đổi số để tinh giảm bộ máy vận hành, giúp tiết kiệm chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp

Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống, rà soát và lấp được các lỗ hổng bảo mật, từ đó lấy lại lòng tin từ nhà đầu tư, do đó sẽ tăng được một phần thu nhập từ dịch vụ lõi môi giới.

Về mảng trái phiếu: Với việc Trung Nam mua lại trước thời hạn một lô trái phiếu đã tác động đến tâm lý lo ngại của nhà đầu tư với các khoản nợ mà VND đang phải chịu áp

lực thanh toán, đồng thời cũng củng cố nền tảng tài chính của công ty.

Về mảng tự doanh:

- Chứng chỉ quỹ và cổ phiếu niêm yết của VND có 2 mã chiếm tỷ trọng lớn là **VPB** và **HSG**
- - + HSG tuy đang có vận động giá khá xấu khiến việc nắm giữ của VND đang chưa được khả quan với số tiền tạm lãi khiếm tốn là 36 triệu đồng. Tuy nhiên, khi vào đầu năm mới thì nhiều dự án cũng sẽ được khởi công hoặc tiếp tục xây dựng sẽ có thể thúc đẩy giá thép tăng trở lại, kỳ vọng sẽ mang về 20-25% lợi nhuận cho HSG, thông qua đó nâng doanh số cho VND.
 - + VPB: Đang vận động quanh vùng giá 17-20 trong 2 năm gần đây. Tuy nhiên, với lợi nhuận sau thuế Quý 4/2024 đạt hơn 20.000 tỷ đồng, kết hợp với việc tái cơ cấu GPbank thì kỳ vọng giá cổ phiếu của VP bank ở mức giá 24.000đ, thậm chí là vượt đỉnh mọi thời đại ở mức giá 31.000đ/cp.
- Chứng chỉ quỹ và cổ phiếu chưa niêm yết khác thì có mã C4G cũng đang vận động ở vùng giá khá thấp. Tuy nhiên thì chúng ta vẫn có thể kỳ vọng C4G tăng tốt sau khi các dự án về đầu tư công được triển khai mạnh mẽ hơn.
- - **Giá mục tiêu:** 16.000 VNĐ/cổ phiếu.
 - **P/E (Tỷ lệ giá trên lợi nhuận):** 13.39 (BCTC quý 4)
 - **P/B (Tỷ lệ giá trên giá trị sổ sách):** 0.88x
 - **EPS:** 1.662

Định giá cổ phiếu của VND cho năm 2025 dựa trên các dự báo và phân tích hiện tại:

Khuyến nghị mua VND với giá 10.5-10.85, với mục tiêu 16.000đ/cổ phiếu trong trung hạn (khoảng 06-10 tháng)

CASC khuyến nghị MUA với VND:
Giá mục tiêu 16.000VNĐ/cổ phiếu, tương ứng với mức lợi nhuận kỳ vọng là 50%.

Luận Điểm Đầu Tư và Định Giá

Báo cáo thu nhập KQKD hàng quý:

Chỉ số tài chính - VND		Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	Q4/2024
Giai đoạn		01/10-31/12	01/01-31/03	01/04-30/06	01/07-30/09	01/10-31/12
Hợp nhất		Đơn lẻ	Đơn lẻ	Đơn lẻ	Đơn lẻ	Đơn lẻ
Kiểm toán		Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán	Chưa kiểm toán
Thu nhập trên mỗi cổ phần của 4 quý gần nhất (EPS)	VNĐ	1,662.10	2,057.38	1,988.35	1,783.38	1,260.98

Giá trị sổ sách của cổ phiếu (BVPS)	VNĐ	13,551.07	14,061.64	14,192.42	12,785.75	12,950.84
Chỉ số giá thị trường trên thu nhập (P/E)	Lần	13.39	11.15	8.07	8.55	9.99
Chỉ số giá thị trường trên giá trị sổ sách (P/B)	Lần	1.64	1.63	1.13	1.19	0.97
Tỷ suất lợi nhuận gộp biên	%	75.12	77.65	44.92	70.17	47.99
Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần	%	42.45	44.56	23.65	39.79	20.74
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA)	%	5.09	3.67	2.00	2.75	1.28
Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	1.97	1.49	0.80	1.14	0.57
Tỷ số thanh toán bằng tiền mặt	Lần	0.20	0.14	0.11	0.02	0.04
Tỷ số thanh toán hiện hành (ngắn hạn)	Lần	1.64	1.67	1.58	1.77	1.76
Tỷ số Nợ trên Tổng tài sản	%	60.46	58.58	61.72	55.05	55.49
Tỷ số Nợ trên Vốn chủ sở hữu	%	152.93	141.44	161.24	122.45	124.67

(Nguồn: Vietstock, CASC tổng hợp)

Báo cáo thu nhập KQKD hàng năm:

Kết quả kinh doanh - VND	2020	2021	2022	2023	2024
Giai đoạn	01/01-31/12	01/01-31/12	01/01-31/12	01/01-31/12	01/01-31/12
Hợp nhất	Hợp nhất	Hợp nhất	Hợp nhất	Đơn lẻ	Đơn lẻ
Kiểm toán	Kiểm toán	Kiểm toán	Kiểm toán	Kiểm toán	Chưa kiểm toán
Công ty kiểm toán	EY	EY	EY	EY	
Ý kiến kiểm toán	Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần	
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	2,135.00	6,039.00	6,829.00	6,561.00	5,324.00
Chi phí hoạt động kinh doanh	543.00	2,325.00	3,826.00	2,194.00	2,122.00
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	1,591.00	3,715.00	3,003.00	4,367.00	3,203.00
Chi phí quản lý doanh nghiệp	358.00	300.00	379.00	430.00	453.00
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	863.00	2,981.00	1,536.00	2,489.00	2,092.00

Lợi nhuận khác	(1.00)	0.00	0.00	(7.00)	(3.00)
Phần lợi nhuận/lỗ từ công ty liên kết liên doanh					
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	862.00	2,980.00	1,535.00	2,482.00	2,088.00
Lợi nhuận sau thuế TNDN	693.00	2,383.00	1,220.00	2,022.00	1,718.00
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	693.00	2,383.00	1,220.00	2,022.00	1,718.00
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	3,322.00	7,582.00	924.00	1,661.00	1,282.00

(Nguồn: Vietstock, CASC tổng hợp)

Một điểm đáng chú ý khác là tại thời điểm 31/12/2024, VNDirect đã trích lập 193 tỷ đồng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với CTCP Đầu tư Xây dựng Trung Nam (dự phòng 96,6 tỷ đồng và giá trị phải thu khó đòi 229,6 tỷ đồng), CTCP Năng lượng tái tạo Trung Nam (dự phòng 43 tỷ đồng và giá trị phải thu khó đòi 86 tỷ đồng), CTCP Điện gió Trung Nam Đắk Lắk 1 (dự phòng 29,4 tỷ đồng và giá trị phải thu khó đòi 58,8 tỷ đồng).

Bảng cân đối kế toán (theo năm)

Cân đối kế toán - VND	2020	2021	2022	2023	2024
Giai đoạn	01/01-31/12	01/01-31/12	01/01-31/12	01/01-31/12	01/01-31/12
Hợp nhất	Hợp nhất	Hợp nhất	Hợp nhất	Đơn lẻ	Đơn lẻ
Kiểm toán	Kiểm toán	Kiểm toán	Kiểm toán	Kiểm toán	Chưa kiểm toán
Công ty kiểm toán	EY	EY	EY	EY	
Ý kiến kiểm toán	Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần	
Tài sản ngắn hạn	13,219.00	36,628.00	38,670.00	40,414.00	43,106.00
Tiền và các khoản tương đương tiền	974.00	2,702.00	2,557.00	4,862.00	881.00
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn					
Các khoản phải thu ngắn hạn	272.00	395.00	2,246.00	939.00	1,728.00
Hàng tồn kho					
Tài sản dài hạn	1,757.00	467.00	201.00	1,328.00	1,189.00
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1,543.00	342.00	30.00	1,071.00	944.00
Tài sản cố định	44.00	57.00	78.00	106.00	84.00
Bất động sản đầu tư					
Tổng cộng tài sản	14,976.00	37,095.00	38,871.00	41,742.00	44,295.00
Nợ phải trả	11,157.00	27,272.00	24,356.00	25,234.00	24,580.00

Nợ ngắn hạn	11,040.00	26,361.00	23,529.00	24,736.00	24,502.00
Nợ dài hạn	117.00	911.00	827.00	498.00	77.00
Vốn chủ sở hữu	3,819.00	9,822.00	14,515.00	16,508.00	19,715.00
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2,204.00	4,349.00	12,178.00	12,178.00	15,223.00
Thặng dư vốn cổ phần	121.00	1,504.00	0.00	0.00	0.00
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1,452.00	3,556.00	2,335.00	4,329.00	4,492.00
Lợi ích của cổ đông thiểu số					
Tổng cộng nguồn vốn	14,976.00	37,095.00	38,871.00	41,742.00	44,295.00

(Nguồn: MSN, CASC tổng hợp)

Chỉ số tài chính (năm)

Chỉ số tài chính - VND		2020	2021	2022	2023	2024
Giai đoạn		01/01-31/12	01/01-31/12	01/01-31/12	01/01-31/12	01/01-31/12
Hợp nhất		Hợp nhất	Hợp nhất	Hợp nhất	Đơn lẻ	Đơn lẻ
Kiểm toán		Kiểm toán	Kiểm toán	Kiểm toán	Kiểm toán	Chưa kiểm toán
Công ty kiểm toán		EY	EY	EY	EY	
Ý kiến kiểm toán		Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần	
Thu nhập trên mỗi cổ phần của 4 quý gần nhất (EPS)	VND	3,322.05	7,672.50	1,211.59	1,660.53	1,260.98
Giá trị sổ sách của cổ phiếu (BVPS)	VND	18,315.89	22,583.33	11,918.55	13,554.95	12,950.84
Chỉ số giá thị trường trên thu nhập (P/E)	Lần	9.04	10.69	11.14	13.40	9.99
Chỉ số giá thị trường trên giá trị sổ sách (P/B)	Lần	1.64	3.63	1.13	1.64	0.97
Tỷ suất lợi nhuận gộp biên	%	74.54	61.51	43.98	66.56	60.15
Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần	%	32.46	39.46	17.87	30.82	32.27
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA)	%	19.60	34.94	10.03	13.04	9.49
Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	5.22	9.15	3.21	5.02	3.99
Tỷ số thanh toán bằng tiền mặt	Lần	0.09	0.10	0.11	0.20	0.04
Tỷ số thanh toán hiện hành (ngắn hạn)	Lần	1.20	1.39	1.64	1.63	1.76
Tỷ số Nợ trên Tổng tài sản	%	74.50	73.52	62.66	60.45	55.49

Tỷ số Nợ trên Vốn chủ sở hữu	%	292.12	277.65	167.80	152.86	124.67
(Nguồn: MSN, CASC tổng hợp)						

KHUYẾN CÁO và TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin trong báo cáo được xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Tuy nhiên, ngoài những thông tin về chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô (CASC), CASC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này. Góc nhìn, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của CASC và có thể thay đổi mà không cần thông báo, CASC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về độ chính xác của thông tin. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích tổng hợp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của CASC và không mang tính chất khuyến nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán hay công cụ tài chính có liên quan nào.

CASC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

Thông tin liên hệ

Research Specialist

Đỗ Đức Long
Phone/Zalo: 0978001846
Email: longdd@casc.vn

Head of Research

Lê Ngọc Toàn
Phone: 0901966061
Email: toanln@casc.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 2A Đại Cồ Việt, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 1900 633 059 | Website: <https://casc.vn/> | Email: support@casc.vn



CAPITAL SECURITIES